TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày 08 tháng 5 năm 2025
V/v Tranh chấp nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Phạm Thị Việt Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh*:** Không tham gia.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2025, về việc "*Tranh chấp nợ hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Kim S, sinh năm 1983 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, A, Kiên Giang

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1970 và **bà Trần Thị P**, sinh năm 1972 *(Ông T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bà P có mặt)*

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bà Ngô Thị Kim S trình bày:

Bà H và vợ chồng ông T, bà P quen biết nhau qua quan hệ sui gia. Được biết vợ chồng ông T, bà P tổ chức chơi hụi tại địa phương, do tin tưởng nên bà H có tham gia chơi hụi, cụ thể là dây hụi tháng áp ngày 20/01/2022 (âl), bà H tham gia chơi 01 chân hụi 2.000.000đ, gồm 39 phần, bà H đóng hụi cho vợ chồng ông

T được 21 lần x 2.000.000đ x 02 chân = 84.000.000đ. Sau đó vợ chồng ông T, bà P tuyên bố bể hụi và ngưng việc giao tiền hụi cho bà H cho đến nay.

Từ thời điểm đó đến nay bà H đã nhiều lần liên hệ vợ chồng bà P, ông T thương lượng việc trả nợ nhưng vợ chồng ông bà hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn không trả tiền cho bà H.

Nay người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bà S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Minh xem xét giải quyết buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị P phải trả cho bà H số tiền hụi còn nợ là 84.000.000đ, trả trong một lần và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong bản tự khai thể hiện: Ông T và vợ là Trần Thị P có nợ tiền hụi của bà Ngô Thị H với số tiền là 84.000.000đ. Do công việc làm ăn không thuận lợi, yêu cầu bà H cho vợ chồng ông trả dần đến khi trả hết số nợ nói trên.

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bà Ngô Thị Kim S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị P, tuy nhiên bà P đều vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên Tòa hôm nay, bà P thừa nhận còn nợ của bà H với số tiền 84.000.000đ. Bà P yêu cầu bà C cho vợ chồng bà trả dần số nợ nói trên mỗi tháng 4.000.000đ đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn T, bà Trần Thị P có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã Đ, huyện A, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, bà Ngô Thị Kim S yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn T, bà Trần Thị P trả cho bà H nợ hụi với tổng số tiền 84.000.000đ, yêu cầu trả trong một lần, không yêu cầu tính lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "*Tranh chấp nợ hụi*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Ngô Thị Kim S yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà P trả cho bà Ngô Thị H tổng số tiền hụi còn nợ là 84.000.000đ,

trả trong một lần và không yêu cầu tính lãi. Số tiền nợ hụi bà S yêu cầu vợ chồng ông T, bà P trả cho bà H là phù hợp với số tiền ông T thừa nhận còn nợ của bà H tại Bản tự khai ngày 25/3/2025 và tại phiên tòa hôm nay bà P xác nhận còn nợ của bà H với số tiền 84.000.000đ. Đây là tình tiết đã được các đương sự thừa nhận, do đó đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 12/3/2025, Tòa án ban hành Thông báo số 05/2025/TB-TA về việc yêu cầu ông T, bà P trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng đến thời điểm mở phiên tòa, bà P, ông T vẫn không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà H, tuy nhiên tại phiên Tòa, bà P thừa nhận còn nợ của bà H với số tiền 84.000.000đ.

Tại bản tự ngày 25/3/2025, ông T yêu cầu bà C cho vợ chồng ông trả dần số nợ nói trên đến khi hết nợ và phiên Tòa hôm nay, bà P có yêu cầu được trả dần số tiền nợ nói trên mỗi tháng 4.000.000đ đến khi hết nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa, yêu cầu này của ông T và bà P không được Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà S chấp nhận do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng ông T, bà P trả cho bà H số tiền hụi còn nợ 84.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: 84.000.000đ x 5 % = 4.200.000đ. Buộc ông T, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ngô Thị H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92, Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc yêu cầu ông Võ Văn T, bà Trần Thị P trả số tiền hụi.

1. Buộc ông Võ Văn T, bà Trần Thị P trả cho bà Ngô Thị H số tiền là 84.000.000đ (*T1 mươi bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Võ Văn T, bà Trần Thị P nộp 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí là 2.100.000đ *(Hai triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005338, ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát An Minh;
- Chi cục Thi hành án An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn